

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ CÁC MÔN THI KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG NĂM 2018**

Vị trí việc làm: Giáo viên Văn hóa Tiểu học

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Kết quả môn thi			Ghi chú
					Kiến thức chung	CM, NV chuyên ngành (Trắc nghiệm)	CM, NV chuyên ngành (Thi viết)	
1	1	VH01	Đỗ Văn Anh	30/12/1995	90,00	60,00	62,75	
2	1	VH02	Nguyễn Thị Lan Anh	15/01/1994	93,00	70,00	57,00	
3	1	VH03	Vũ Thị Châu	19/05/1988	91,00	65,00	63,00	
4	1	VH04	Nguyễn Thị Chinh	16/11/1990	66,50	75,00	72,00	
5	1	VH05	Lê Thị Diệu	29/10/1989	90,00	85,00	82,00	
6	1	VH06	Đới Thị Dung	15/09/1984	93,00	85,00	89,75	
7	1	VH07	Phạm Thị Thùy Dung	14/08/1990	96,50	75,00	81,25	
8	1	VH08	Lê Quang Dũng	20/10/1987	89,50	80,00	82,00	
9	1	VH09	Vũ Các Định	22/12/1995	90,00	75,00	80,50	
10	1	VH10	Phạm Thị Én	18/06/1994	86,00	80,00	73,00	
11	1	VH11	Đỗ Thị Hà	08/08/1993	80,00	85,00	77,00	
12	1	VH12	Hà Thu Hà	16/08/1990	90,00	70,00	91,00	
13	1	VH13	Khuất Thị Thu Hà	22/03/1983	90,00	85,00	73,00	
14	1	VH14	Đỗ Hồng Hạnh	20/06/1989	94,00	90,00	68,25	
15	1	VH15	Trần Thị Hạnh	19/05/1989	86,00	85,00	82,50	
16	1	VH16	Trịnh Thị Hạnh	12/04/1984	92,50	80,00	94,00	
17	1	VH17	Lê Thuý Hằng	01/02/1990	75,50	80,00	79,00	
18	1	VH18	Vũ Thị Hằng	20/07/1991	76,50	70,00	70,00	
19	1	VH19	Vũ Thị Thu Hằng	09/10/1996	88,00	75,00	77,00	
20	1	VH20	Hoàng Thị Hiền	05/10/1982	95,00	85,00	82,50	
21	1	VH21	Lê Thị Hiền	10/06/1985	89,50	75,00	80,00	
22	1	VH22	Lê Thị Hiền	07/09/1990	61,50	60,00	68,00	
23	1	VH23	Lê Thị Hoa	23/09/1995				vắng thi
24	1	VH24	Lê Thị Hoa	23/04/1988	85,50	100,00	82,00	
25	1	VH25	Nguyễn Thị Hoa	24/02/1993	79,00	75,00	74,00	
26	1	VH26	Lê Thị Hoàn	27/05/1991	82,00	70,00	75,50	
27	2	VH27	Phạm Thị Hồng	10/08/1989	87,00	75,00	54,50	
28	2	VH28	Lê Thị Huệ	10/04/1995	83,00	75,00	67,00	
29	2	VH29	Đoàn Thị Huyền	13/12/1996	93,00	85,00	68,50	

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Kết quả môn thi			Ghi chú
					Kiến thức chung	CM, NV chuyên ngành (Trắc nghiệm)	CM, NV chuyên ngành (Thi viết)	
30	2	VH30	Nguyễn Thị Nhật Huyền	26/12/1994				vắng thi
31	2	VH31	Lưu Thị Thu Hương	18/11/1984	86,00	80,00	64,75	
32	2	VH32	Nguyễn Thị Hương	06/10/1990	96,00	80,00	80,50	
33	2	VH33	Phạm Thị Lan Hương	30/06/1992	89,50	80,00	78,50	
34	2	VH34	Vương Thị Hường	09/11/1983	91,00	80,00	74,75	
35	2	VH35	Lường Thị Lan	02/03/1988	90,00	80,00	80,50	
36	2	VH36	Nguyễn Thị Mỹ Linh	06/02/1995	89,00	80,00	74,25	
37	2	VH37	Lê Thanh Loan	10/09/1995	89,50	80,00	72,50	
38	2	VH38	Nguyễn Thị Lý	20/05/1991	80,50	75,00	65,75	
39	2	VH39	Vi Thị Mai	10/10/1993	90,00	65,00	50,00	
40	2	VH40	Bùi Thị Thúy Nụ	01/10/1992	93,00	70,00	50,50	
41	2	VH41	Lâm Thị Nga	13/05/1991	85,00	60,00	58,25	
42	2	VH42	Hoàng Thị Ngoan	06/08/1994				vắng thi
43	2	VH43	Lê Thị Nhân	09/06/1993	65,50	45,00	50,00	
44	2	VH44	Hà Thị Nhung	14/8/1992	67,50	30,00	50,00	
45	2	VH45	Trần Thị Nhung	01/05/1989	80,00	65,00	71,25	
46	2	VH46	Vương Thị Oanh	21/3/1995	96,00	75,00	76,00	
47	2	VH47	Ngô Thị Phương	17/11/1995	94,50	65,00	71,50	
48	2	VH48	Nguyễn Thị Thảo	21/7/1986	89,00	90,00	77,00	
49	2	VH49	Trịnh Thị Thảo	11/11/1995				vắng thi
50	2	VH50	Lê Thị Thi	10/09/1995				vắng thi
51	2	VH51	Bùi Thị Thiện	15/10/1990	85,00	80,00	59,50	
52	2	VH52	Lê Thị Thơ	02/07/1986	81,00	80,00	59,00	
53	3	VH53	Lê Thị Quỳnh Thuận	10/09/1986	69,50	80,00	92,00	
54	3	VH54	Lê Thị Thùy	08/03/1983	63,50	70,00	79,25	
55	3	VH55	Vũ Thị Thủy	05/03/1994	77,00	60,00	77,25	
56	3	VH56	Nguyễn Thị Thúy	01/03/1993	60,00	55,00	63,50	
57	3	VH57	Lê Hà Trang	02/04/1994	79,50	45,00	57,50	
58	3	VH58	Ngô Thị Trang	12/05/1990	76,50	40,00	60,75	
59	3	VH59	Nguyễn Thị Trang	24/9/1994				vắng thi

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Trần Thế Lưu